Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 20.01.2020 08:55:11 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 19 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 17 tháng 01 năm 2020*

BÁO CÁO
Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2019

Thực hiện quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 81 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 11/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về công tác quản lý thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính năm 2019 trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2019 như sau:

I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1.1. Công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật

Trên cơ sở quy định tại Điều 17 Luật XLVPHC về trách nhiệm của UBND tỉnh trong công tác THPL về XLVPHC, UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Kế hoạch quản lý công tác thi hành pháp luật XLVPHC năm 2019 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 11/01/2019 về công tác quản lý thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính năm 2019 trên địa bàn tỉnh). Theo đó, các sở, ban, ngành tỉnh phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện công tác quản lý XLVPHC theo quy định tại kế hoạch này.

UBND các huyện, thành phố căn cứ kế hoạch của UBND tỉnh cũng đã xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện công tác THPL về XLVPHC ở địa phương mình quản lý. Qua tổng hợp có 09/09 UBND huyện, thành phố có ban hành kế hoạch riêng và tổ chức việc triển khai thực hiện theo kế hoạch đã đề ra.

1.2. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Việc ban hành các văn bản quy định chi tiết theo thẩm quyền nhằm hoàn thiện pháp luật về XLVPHC luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai THPL về XLVPHC. Tuy nhiên trong năm 2019, UBND tỉnh không ban hành văn bản QPPL lĩnh vực XLVPHC mà chủ yếu tổ chức triển khai thực hiện các văn bản do cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương ban hành.

1.3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng, nghiệp vụ trong việc triển khai thi hành và áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính

a) Về phổ biến, tuyên truyền pháp luật

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được UBND tỉnh thường xuyên quan tâm chỉ đạo. UBND tỉnh đã giao Sở Tư pháp, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện thường xuyên, liên tục. Nội dung tuyên truyền, phổ biến là các văn bản QPPL về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản có liên quan. Đối tượng tuyên truyền là cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Trong năm 2019 các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Cụ thể:

- Tại các sở, ban, ngành tỉnh: Chủ yếu thực hiện triển khai văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực ngành phụ trách tại các cuộc họp giao ban và đăng tải văn bản trên trang thông tin điện tử của của Sở, ngành. Song song đó, các đơn vị cũng thường xuyên thực hiện việc giải đáp vướng mắc cho doanh nghiệp, trong đó có **19** lượt giải quyết vướng mắc bằng văn bản, **03** lượt giải quyết vướng mắc thông qua chuyên mục Hỏi – đáp trên trang tin điện tử. Đồng thời tổ chức **01** Hội nghị đối thoại doanh nghiệp nhằm giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của cộng đồng doanh nghiệp. Tiếp cận khai thác thông tin phản ánh từ người dân và doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Sở Tư pháp (cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp PBGDPL) tuyên truyền pháp luật thông qua hệ thống Đài truyền thanh huyện và các Bảng Quang báo trên địa bàn tỉnh được 135 tin/bài và 65 khẩu hiệu. Đăng tin bài viết, văn bản pháp luật về quản lý xử lý vi phạm hành chính trên trang thông tin "Theo dõi tình hình thi hành pháp luật tỉnh Tây Ninh" được 10 tin, bài, cập nhật 220 tin bài trên cổng thông tin điện tử.

Tuyên truyền trực tiếp thông qua các hội nghị được 590 cuộc với 55.673 lượt người tham dự, phát trên sóng phát thanh, xe loa được 190 giờ, cấp phát 2645 tờ gấp, tờ rơi, tổ chức 03 hội nghị tập huấn.

- Đối với các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh:

+ Tổ chức tuyên truyền truyền được **1.437** cuộc với **77.475** lượt người tham dự, cấp phát văn bản, tờ rơi về xử lý vi phạm hành chính hơn **8.058** tài liệu cho cán bộ công chức và người dân trên địa bàn huyện, tuyên truyền trên sóng phát thanh khoảng **509,4** giờ về nội dung Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ, các Thông tư, Nghị định có liên quan đến công tác nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chinh trên nhiều lĩnh vực như: vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn giao thông, phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội khác…

+ Đăng tải các bài viết tuyên truyền pháp luật về XLVPHC, các nghị định xử phạt trên các trang mạng xã hội facebook, zalo được **739** lượt truy cập.

+ Bóc gỡ, xóa trên 636 băng rôn, giấy quảng cáo cho vay tiền trên các trụ điện, hàng rào,… tại các tuyến đường, khu vực chợ, siêu thị trên địa bàn huyện.

+ Phát phiếu và cho làm cam kết thực hiện nghiêm các quy định về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ pháo và các loại đồ chơi nguy hiểm bị cấm cho hơn 1.471 hộ dân; tuyên truyền thủ đoạn, phương thức trộm cắp tài sản cho 63 cơ sở kinh doanh có điều kiện, 25 cơ sở kinh doanh vàng, bạc, đá quý và 10 ngân hàng trên địa bản huyện; tổ chức Hội thi " Tìm hiểu về phòng chống ma túy và tệ nạn xã hội năm 2019" có hơn 150 đoàn viên, học sinh trên địa bàn huyện tham dự.

Ngoài ra, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn thường xuyên thực hiện tốt công tác tuyên truyền phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tuyên truyền tác hại của ma túy, bảo đảm an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, tuyên truyền về an toàn thực phẩm, dịch tả heo Châu Phi…

- Tại Sở Tư pháp:

Trên cơ sở Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản có liên quan Sở đã tổ chức biên soạn 02 quyển tài liệu tìm hiểu pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính và về các biện pháp xử lý hành chính và đã phát hành 700 quyển cấp phát cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh để làm cẩm nang cho cán bộ làm công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và các chức danh có thẩm quyền xử phạt thuộc các cơ quan, đơn vị được Luật giao có sở sở để thực hiện tốt vai trò tham mưu cho lãnh đạo trong công tác quản lý xử lý vi phạm hành và theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị mình.

b) Công tác bồi dưỡng, tập huấn

Trong năm 2019, UBND tỉnh đã tổ chức tập huấn công tác THPL về XLVPHC. Theo Kế hoạch năm 2019, UBND tỉnh giao Sở Tư pháp chủ trì mời báo cáo viên Bộ Tư pháp về tập huấn nghiệp vụ công tác quản lý XLVPHC và theo dõi thi hành pháp luật cho hơn 340 người là cán bộ Lãnh đạo, công chức là cán bộ đầu mối làm công tác theo dõi thi hành pháp luật của các sở, ban, ngành tỉnh; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Phòng Tư pháp, Công an các huyện, thành phố và Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Công chức Tư pháp-hộ tịch và Công an các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Nội dung tập huấn liên quan đến nghiệp vụ công tác quản lý XLVPHC và theo dõi thi hành pháp luật. Thông qua đó đã triển khai Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ Tư pháp Quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật; kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Thông tư số 19/2015/TT-BTP (sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 09/2017/TT-BTP).

Ngoài ra Sở Tư pháp cũng đã trực tiếp triển khai, tập huấn về các nội dung của Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định 81/2013/NĐ-CP, Nghị định số 97/2017/NĐ-CP cho một số sở, ngành và UBND các huyện trên địa bàn tỉnh được được 06 cuộc với hớn 500 người tham dự.

1.4. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Công tác kiểm tra việc THPL về XLVPHC là một nhiệm vụ quan trọng. Trên cơ sở kết quả kiểm tra cơ quan có thẩm quyền đánh giá được tình hình THPL về XLVPHC trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình quản lý để từ đó có những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác THPL về XLVPHC. Theo kế hoạch năm 2019 Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm (Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 15/5/2019) và tiến hành kiểm tra tại 03 Sở: Y tế; Công thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và 03 huyện: Châu Thành; Trảng Bàng; Tân Châu (đã có báo cáo số 320/BC-UBND ngày 11/9/2019).

Đối với công tác kiểm tra THPL về XLVPHC của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố thì trong năm 2019:

- Tại các sở, ban ngành: đã ban hành kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra được 168 cuộc đối với các lĩnh vực chuyên ngành có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính các đơn vị trực thuộc, và thường xuyên tổ chức tự rà soát, kiểm tra công tác xử lý vi phạm hành chính và công tác nghiệp vụ.

- Tại UBND các huyện, thành phố: đã tổ chức được 1.555 cuộc thanh tra, kiểm tra trong các lĩnh vực như: kiểm tra về công tác quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm, cơ sở nấu rượu, dịch vụ ăn uống với khoảng 2.611 đơn vị, cơ sở. Giám sát việc ban hành và tổ chức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 03 đơn vị cấp xã.

II. TÌNH HÌNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

2.1. Tình hình vi phạm hành chính

Qua theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của các cơ quan, ban ngành trên địa bàn tỉnh cho thấy công tác xử lý vi phạm hành chính đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo các cơ quan, ban ngành và địa phương. Công tác phối hợp liên ngành dần được quan tâm thực hiện và bước đầu có kết quả tốt, cụ thể như phối hợp kiểm tra liên ngành. Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành đa số đều đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định. Nội dung các quyết định phù hợp với quy định pháp luật, ít bị khiếu nại.

Tuy nhiên, tình hình vi phạm hành chính vẫn còn diễn biến phức tạp chủ yếu ở lĩnh vực như: trật tự an toàn giao thông đường bộ, hành vi đánh bạc, trật tự an toàn xã hội, ma túy, đất đai, vệ sinh an toàn thực phẩm, lĩnh vực thương mại, cho vay lãi nặng... Nguyên nhân chính của tình hình vi phạm: Ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân chưa cao, một số người dân hiểu biết về pháp luật còn hạn chế, không nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đa số là thanh niên thiếu ý thức, trách nhiệm với bản thân và gia đình, có lối sống đua đòi bất chấp pháp luật.

Đối với một số hành vi vi phạm pháp luật về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan có một số vụ liên quan đến gian lận thuế, buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, vi phạm về sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân

trên địa bàn tỉnh. Đối tượng vi phạm phần lớn là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các hành khách xuất, nhập cảnh, cư dân biên giới.

2.2. Tình hình xử phạt vi phạm hành chính

(Xin xem phụ lục 1 mẫu số 01 đính kèm báo cáo này)

2.3. Tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

(Xin xem phụ lục 1 mẫu số 02 đính kèm báo cáo này)

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CHỦ YẾU TRONG THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ[8]

3.1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định pháp luật

3.1.1 Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính

- Điều 42 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 19 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016) có quy định thẩm quyền tịch thu tang vật vi phạm bị giới hạn theo thẩm quyền phạt tiền, cụ thể: Chi cục trưởng Chi cục Hải quan có quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm có giá trị không vượt quá mức phạt tiền 25 triệu đồng đối với cá nhân và 50 triệu đồng đối với tổ chức; Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh có quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm có giá trị không vượt quá mức tiền phạt 50 triệu đồng đối với cá nhân và 100 triệu đồng đối với tổ chức. Tuy nhiên trong thực tế phát sinh rất nhiều vụ việc vi phạm hành chính thuộc trường hợp đơn giản mà tang vật vi phạm có giá trị trên 25 triệu đồng vượt thẩm quyền của cấp Chi cục nên phải thường xuyên chuyển hồ sơ lên cấp Cục xử lý; một số vụ việc vượt thẩm quyền của cấp Cục phải chuyển hồ sơ lên Chủ tịch UBND tỉnh xử lý.

- Chưa có hướng dẫn xử lý vi phạm hành chính đối với trường hợp không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án, hiện tại áp dụng theo quy định chung của Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 của Chính phủ thì không đảm bảo yếu tố khẩn cấp theo quyết định khẩn cấp của Tòa án.

- Chưa có hướng dẫn cụ thể về việc thu tiền phạt do vi phạm hành chính vào loại biên lai thu tiền nào. Số tiền thu được từ việc phạt hành chính trong hoạt động thi hành án, thủ tục xử phạt hành chính, mẫu biên bản vi phạm hành chính, thời gian thực hiện và nơi nộp phạt.

- Về tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền tạm giữ phải ban hành quyết định tạm giữ theo mẫu Quyết định 19 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP của Chính phủ phải lập biên bản, ghi rõ tên, số lượng, chủng loại, tình trạng của tang vật, phương tiện bị tạm giữ, phải có chữ ký của

người ra quyết định tạm giữ, giao cho người vi phạm một bản. Như vậy, theo quy định trên thì khi tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì người ra quyết định phải có mặt tại hiện trường, phải có con dấu của cơ quan kèm theo… Quy định này đã gây rất nhiều khó khăn trong quá trình tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho các Đoàn kiểm tra, người thi hành công tác kiểm tra vì những người có thẩm quyền tạm giữ như Chủ tịch UBND huyện, xã thì không thể có mặt thường xuyên tại nơi xảy ra vi phạm để ký quyết định, biên bản.

- Thời hạn tạm giữ tang vật để xác định giá trị tài sản quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính (thời hạn tạm giữ tối đa không quá 24 giờ kể từ thời điểm ra quyết định tạm giữ, trong trường hợp cần thiết có thể gia hạn nhưng không quá 24 giờ) chưa phù hợp với thực tế, đặc biệt đối với tang vật do tổ chức, cá nhân tự chế, hàng hóa nhập lậu... Vì trong các trường hợp này, Hội đồng định giá rất khó xác định giá và thường phải thuê đơn vị tư vấn để xác định giá thì cần nhiều thời gian hơn luật quy định.

- Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định thời hạn gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành trong vòng 02 ngày; tuy nhiên việc thực hiện quy định này trong xử phạt vi phạm hành chính ở lĩnh vực giao thông rất khó khăn vì khối lượng quyết định xử phạt nhiều, khó xác định địa chỉ vì có một số trường hợp người vi phạm không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên không có mặt ở địa phương, có nhiều trường hợp địa chỉ ghi trong giấy tờ khác với địa chỉ nơi cư trú thực tế... cần nhiều thời gian hơn luật quy định.

- Khoản 9 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề phải có chữ ký của người ra quyết định tạm giữ. Quy định này không phù hợp với thực tiễn vì biên bản tạm giữ phải lập ngay trong cuộc kiểm tra và phải giao ngay cho đối tượng có tang vật, phương tiện bị tạm giữ trong khi người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ ít có điều kiện tham gia trực tiếp cùng đoàn kiểm tra xử phạt.

- Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 39 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Giám đốc Công an tỉnh có thẩm quyền phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 50.000.000 đồng; theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 39 Luật xử xử lý vi phạm hành chính thì Giám đốc Công an tỉnh có thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm có giá trị đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong thời gian qua có nhiều vụ việc có mức xử phạt thấp, nhưng giá trị tang vật tịch thu quá cao vượt thẩm quyền của Giám đốc Công an tỉnh nên phải chuyển Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử phạt. Việc này đã mất nhiều thời gian và chưa đồng bộ về thẩm quyền giữa 02 chức danh Giám đốc Công an tỉnh và Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh.

- Tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính. Tuy nhiên Luật Xử lý vi phạm hành chính lại không quy định về tài liệu, trình tự, thủ tục chứng minh dẫn đến khó khăn trong quá trình thực thi pháp luật.

- Tại Khoản 1 Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: "Vi phạm hành chính về kế toán; thủ tục thuế; phí, lệ phí; kinh doanh bảo hiểm; quản lý giá; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; xây dựng; bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản, hải sản; quản lý

rừng, lâm sản; điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; thăm dò, khai thác dầu khí và các loại khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; năng lượng nguyên tử; quản lý, phát triển nhà và công sở; đất đai; đê điều; báo chí; xuất bản; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý lao động ngoài nước thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm…" như vậy theo quy định trên thì thời hiệu xử phạt trong lĩnh vực đất đai là 02 năm. Tuy nhiên, trên thực tế người sử sụng đất xây nhà ở trên đất nông nghiệp, lấn, chiếm đất… các trường hợp vi phạm thường xảy ra kéo dài trong nhiều năm, đến khi cơ quan quản lý kiểm tra mới phát hiện. Ngoài ra, đối với việc xác định các hành vi vi phạm đã kết thúc và các hành vi vi phạm đang diễn ra, hiện nay Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn chưa quy định cụ thể, do đó gây khó khăn trong việc xác định thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp này.

3.1.2. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

- Tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính nhưng không quy định cụ thể cách thức cưỡng chế thi hành buộc đối tượng vi phạm hành chính phải nộp phạt theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Trong quá trình thanh tra, kiểm tra và ra quyết định xử phạt hành chính, doanh nghiệp cố tình trốn tránh, không chấp hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành, tuy nhiên lại chưa có quy định cụ thể cách thức cưỡng chế thi hành buộc đối tượng vi phạm hành chính phải nộp phạt tiền theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Đối với các trường hợp nghiện ma túy đang trong quá trình thu thập thông tin, tài liệu để lập hồ sơ thì người nghiện bỏ địa phương hoặc không chấp hành các biện pháp thì vẫn chưa có văn bản quy định biện pháp chế tài hoặc xử lý cần thiết để đảm bảo việc áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định. Bên cạnh đó, thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc không có sự thống nhất với nhau dẫn đến khó khăn cho các ngành chuyên môn trong việc lập hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và đề nghị xử lý vi phạm hành chính, cụ thể:

+ Tại Điều 103 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

+ Tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định "Khi phát hiện người sử dụng ma túy trái phép, Công an xã nơi người đó có hành vi vi phạm lập biên bản về hành vi sử dụng ma túy trái phép của người đó và tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

+ Tại điều 4, Điều 8 Thông tư 05/2018/TT-BCA ngày 07/02/2018 của Bộ Công an: "Cơ quan Công an có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử

lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc" và thẩm quyền ký văn bản đề nghị kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ tại mẫu số 07 được ban hành kèm theo Thông tư 05/2018/TT-BCA là thủ trưởng cơ quan Công an.

- Loại hình kinh doanh trò chơi điện tử thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư năm 2014, lại không thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh phải đảm bảo điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trò chơi điện tử máy bắn cá về bản chất là loại hình vui chơi giải trí, điều kiện và hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử được quy định tại Nghị định 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ, được sửa đổi tại Nghị định 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; theo đó, không quy định cơ sở kinh doanh phải có Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh. Tuy nhiên, các cơ sở kinh doanh loại hình này đa số là nơi có địa điểm phức tạp, nhạy cảm, tập trung gần khu công nghiệp, trường học, quán giải khát nơi các đối tượng cờ bạc tụ tập; nhiều cơ sở kinh doanh không treo biển hiệu; đa số bị lợi dụng, biến tướng cờ bạc trá hình... nhưng thiếu chế tài xử lý, gây khó khăn cho công tác kiểm tra, xử lý vi phạm.

- Tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 19/2015/TT-BTP và Khoản 2 Điều 12 Nghị định 221/2013/NĐ-CP quy định khác nhau về thời hạn kiểm tra tính pháp lý hồ sơ. Theo Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 19/2015/TT-BTP quy định kiểm tra tính pháp lý hồ sơ trong thời hạn 05 ngày, Khoản 2 Điều 12 Nghị định 221/2013/NĐ-CP quy định kiểm tra tính pháp lý hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc.

- Việc giao cho gia đình hoặc tổ chức xã hội quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc không thực hiện được trên thực tế. Điều này xuất phát từ việc quản lý số đối tượng này gặp nhiều khó khăn: gia đình hoặc các tổ chức xã hội không đủ khả năng và điều kiện để quản lý người nghiện ma túy.

- Đối với một số trường hợp pháp luật có quy định hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, nhưng không có văn bản quy định cách thức thực hiện cụ thể việc lập biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề ngay sau khi có biên bản vi phạm chính hay sau khi có quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Đối với hành vi đánh bạc trái phép quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 26 Nghị định 167/2013/NĐ-CP, nếu không tịch thu được tiền dùng để đánh bạc và tiền trên chiếu bạc thì có được xem là đánh bạc trái phép được thắng-thua bằng tiền hay không. Cần có văn bản quy định việc xác định tiền dùng để đánh bạc nhằm áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật và tiền đúng theo quy định của pháp luật.

- Chưa có quy định cụ thể về xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi như: loa kẹo kéo, san lấp mặt bằng, hủy hoại đất, không có giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm, giấy khám sức khỏe đối với người trực tiếp sản xuất, kinh doanh ....

- Hành vi "Cho vay tiền có cầm cố tài sản, nhưng lãi suất cho vay vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cho vay" được điểm d, khoản 3, Điều 11 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình, không còn phù hợp.

- Hành vi "quản lý sử dụng giấy Chứng minh nhân dân" quy định tại Điều 9 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình không còn phù hợp.

- Tại điểm d, g khoản 4 điều 16 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 có quy định: Đưa phương tiện, công cụ vào phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng khi chưa được chủ rừng cho phép; Đưa chất thải, hóa chất độc, chất nổ, chất cháy, chất dễ cháy vào rừng trái quy định của pháp luật; làm hầm, lò để đốt than trái phép trong rừng . Tuy nghiên, trong Nghị định lại không có quy định đưa trái phép vào rừng các công cụ, phương tiện cơ giới nên việc các đối tượng đưa trái phép vào rừng các công cụ, phương tiện cơ giới ngoài phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng sẽ không được xử lý dẫn đến khó khăn cho ngành chức năng trong việc răn đe và ngăn chặn các hành vi nêu trên.

- Tại Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương quy định: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 38/2012/NĐ-CP thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 8 Chương VI của Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

+ Thực hiện ký cam kết với cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

Tuy nhiên, không có quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không thực hiện ký cam kết với cơ quan có thẩm quyền.

- Tại Khoản 1 Điều 28 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định ''Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải có Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo chương trình do Bộ Công Thương quy định", nhưng theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ quy định ''người trực tiếp sản xuất, kinh doanh phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận". Từ 02 quy định trên, cơ quan quản lý nhà nước có thể xử lý hành vi không tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm được không.

- Theo quy định tại Khoản 1, Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, do đó ngành Y tế, Nông nghiệp thực hiện đúng theo quy định đối với các cơ sở sản xuất, chế biến nhỏ lẻ thuộc quản lý của ngành Y tế và Nông nghiệp phải thực hiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP. Riêng ngành Công thương căn cứ theo Công văn số 5482/BCT-KHCN ngày 11/7/2018 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về ATTP thì không cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, chế biến nhỏ lẻ mà chỉ ký cam kết như cơ sở sản xuất bánh mì, bún, bánh tráng...Dẫn đến, chưa thống nhất giữa 03 ngành Y tế, Nông nghiệp, Công thương trong quản lý ATTP trên địa bàn tỉnh gây khó khăn trong việc thực hiện công tác thanh tra liên ngành ATTP.

- Tại Điều 9 Nghị định 115/2018/NĐ-CP:

+ Điểm đ Khoản 3 quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi "Sử dụng người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm không đáp ứng kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật". Tuy nhiên, pháp luật lại không quy định tiêu chí để xác định kiến thức về an toàn thực phẩm của người lao động đó có đáp ứng được theo quy định pháp luật.

+ Điểm a Khoản 7 quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi "Sử dụng người đang mắc các bệnh mà theo quy định của pháp luật không được tham gia trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm." Quy định này không cụ thể còn chung chung gây khó khăn trong việc xác định lỗi vi phạm.

- Tại Điều 18 Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, nhưng theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 cùng Nghị định thì quy định mức phạt tiền quy định tại Điều 18 chỉ áp dụng đối với tổ chức. Như vậy, cá nhân vi phạm quy định về Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có bị xử phạt vi phạm hành chính không.

- Về việc gửi quyết định thanh tra cho đối tượng thanh tra: Theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra "Trưởng đoàn thanh tra có văn bản gửi đối tượng thanh tra (kèm theo đề cương yêu cầu báo cáo) ít nhất 05 ngày trước khi công bố quyết định thanh tra; văn bản yêu cầu phải nêu rõ cách thức báo cáo, thời gian nộp báo cáo."

Nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 33/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra chuyên ngành và trang phục, thẻ công chức thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn "Quyết định thanh tra được công bố cho đối tượng thanh tra ngay khi tiến hành thanh tra và không thông báo thời gian công bố quyết định thanh tra đến đối tượng thanh tra. Việc yêu cầu đối

tượng thanh tra báo cáo được thực hiện khi tiến hành thanh tra trực tiếp tại nơi được thanh tra."

Việc quy định không thống nhất về trình tự, thủ tục thanh tra gây khó khăn cho đơn vị khi phối hợp với các sở, ngành thanh tra lĩnh vực an toàn thực phẩm.

3.2. Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành

3.2.1. Về các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

3.2.1.1. Kinh phí; cơ sở vật chất, kỹ thuật

Các điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị... là những yếu tố quan trọng trong việc triển khai nhiệm vụ đạt hiệu quả. Tuy nhiên, về cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu trang thiết bị để phục vụ công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Nguồn kinh phí thực hiện cho việc kểm tra, xét nghiệm chưa đáp ứng trong công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Ở địa phương, nhất là cấp xã, thị trấn không không có điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác kiểm tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm về lĩnh vực môi trường, y tế.

- Cán bộ làm công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính là kiêm nhiệm phải đảm đương nhiều công việc chuyên môn khác do đó ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ thực thi nhiệm vụ này.

- Tại điểm d Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC quy định về mức chi cho báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật có quy định việc chi cho: *Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trình Chính phủ do Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng: mức chi 12.000.000đ/báo cáo; Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề: mức chi 5.000.000đ/báo cáo; Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đột xuất: mức chi 3.000.000đ/báo cáo; Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Sở Tư pháp chủ trì xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tư pháp: mức chi 3.400.000đ/báo cáo; Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp; các sở ban ngành cấp tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp: mức chi 1.700.000đ/báo cáo; Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã; các phòng ban ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi Phòng Tư pháp: mức chi 900.000đ/báo cáo.*

Theo quy định trên thì có 02 nội dung mức chi về báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất không quy định rõ đối tượng áp dụng và cũng không nêu rõ các báo cáo này do cơ quan nào thực hiện. Như vậy thì được hiểu và áp dụng như thế nào? Theo quy định trên hiện nay địa phương Tây Ninh đang có 02 cách hiểu như sau:

Một là: chỉ áp dụng cho các Bộ, ngành ở Trung ương.

Hai là: được áp dụng cho cả Bộ ngành ở Trung ương và địa phương.

- Tại khoản 17 Điều 3 của Thông tư số 19/2017/TT-BTC quy định: "....Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, ***Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể về thẩm quyền và cách thức xác định các hồ sơ phức tạp*** tại Bộ, ngành, địa phương mình". Theo quy định trên, Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm ban hành Quyết định quy định về thẩm quyền và cách thức xác định các hồ sơ phức tạp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, hiện nay, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa có quy định thế nào là hồ sơ phức tạp. Ngoài ra, quan điểm về việc xác định hồ sơ phức tạp giữa các cơ quan, đơn vị tại địa phương chưa thống nhất. Do đó, để có cơ sở xây dựng và ban hành Quyết định phù hợp với quy định pháp luật và áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Bộ Tài chính xem xét, hướng dẫn một số nội dung sau:

+ Tiêu chí quy định thẩm quyền xác định hồ sơ phức tạp.

+ Tiêu chí xác định hồ sơ phức tạp.

- Chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể thực hiên nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh về việc quy định nội dung chi, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật XLVPHC trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

3.2.1.2. Tổ chức bộ máy, nhân sự

Theo quy định của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ thì Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch có trách nhiệm tham mưu UBND cùng cấp quản lý công tác THPL về XLVPHC tại địa phương và Quyết định số 1950/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã quy định cụ thể việc kiện toàn tổ chức các cơ quan tư pháp địa phương để giúp Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Nhưng hiện nay, công tác triển khai gặp nhiều khó khăn do không đủ biên chế. Do đó, cán bộ công chức làm công tác này chủ yếu là kiêm nhiệm, nghiệp vụ về quản lý công tác thi hành pháp luật về XLVPHC còn hạn chế nên hiệu quả công tác này chưa cao.

- *Đối với các Sở:* Công tác THPL về XLVPHC chủ yếu do bộ phận thanh tra, văn phòng Sở đảm nhiệm; cán bộ công chức làm công tác THPL về XLVPHC đa số là kiêm nhiệm nên việc tham mưu lãnh đạo các sở, ngành tỉnh về công tác THPL về XLVPHC còn lúng túng (theo Nghị định 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án "Xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan tư pháp địa phương" thì các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh sẽ được thành lập Phòng pháp chế hoặc bố trí cán bộ pháp chế. Nhưng hiện nay toàn tỉnh chỉ có 01/14 sở ngành thành lập phòng pháp chế). Đối với đội ngũ làm công tác xử lý vi phạm hành chính tại các sở, ngành tỉnh cũng còn thiếu so với lượng công việc được giao. Cụ thể như:

+ Sở Tư pháp: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch số 23/2014/TT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc UBND huyện, quận, thị

xã, thành phố trực thuộc tỉnh thì Phòng QLXLVPHC&TDTHPL thuộc Sở Tư pháp phải đảm bảo có Trưởng phòng, không quá 02 Phó trưởng phòng và các công chức khác. Tuy nhiên hiện nay, biên chế của Phòng QLXLVPHC&TDTHPL quá ít so với lượng công việc được giao (chỉ có 01 Trưởng phòng và chuyên viên biệt phái).

+ Tại Sở Kế hoạch và Đầu tư nhân sự phòng thanh tra Sở ít so với nhiệm vụ được giao ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ.

- *Đối với Phòng Tư pháp các huyện, thành phố*: Công tác THPL về XLVPHC tại các huyện, thành phố do Phòng tư pháp tham mưu UBND huyện, thành phố thực hiện. Tuy nhiên, hiện nay khối lượng công việc được giao theo quy định của Phòng Tư pháp quá nhiều, số lượng biên chế quá ít nên công chức phòng Tư pháp phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác nên công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gặp nhiều khó khăn, chưa được nghiên cứu sâu.

3.2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ

Sự phối hợp giữa các ngành trong công tác thông tin, truyền thông, tuyên truyền đôi lúc chưa chặt chẽ, nội dung, hình thức tuyên truyền chưa đi vào chiều sâu, chưa lan tỏa rộng trong nhân dân; dẫn đến một số cơ sở ở vùng sâu, vùng xa kiến thức và nhận thức về vệ sinh an toàn thực phẩm còn hạn chế.

- Công tác tuyên truyền pháp luật nhất là lĩnh vực chuyên ngành chưa thực hiện có hiệu quả.

- Việc bồi dưỡng tập huấn kiến thức chưa được thường xuyên.

3.2.3. Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng trong xử lý vi phạm hành chính

Công tác phối hợp giữa các ngành, chức năng có liên quan có lúc chưa chặt chẽ và hiệu quả chưa cao. Đặc biệt là trong trường hợp phải phối hợp liên ngành để xử lý vi phạm hành chính, theo dõi, tổng hợp tình hình thi hành các quyết định xử phạt hành chính của các đối tượng vi phạm.

Hiện nay, vẫn còn một số đơn vị, địa phương chưa thật sự phối hợp, chủ động trong công tác báo cáo, thống kê, nội dung báo cáo chưa đảm bảo theo đề cương do đó dẫn đến việc tổng hợp báo cáo chung trên địa bàn tỉnh còn chậm so với yêu cầu.

3.2.4. Về việc báo cáo, thống kê

- Tại Thông tư 16/2018/TT-BTP, có một số khó khăn, vướng mắc trong tổng hợp số liệu theo Phụ lục mẫu số 01, cụ thể:

+ Thông tin về số vụ vi phạm chưa có cột số vụ không xử phạt.

+ Thông tin về số đối tượng bị xử phạt chưa có cột vô chủ (trường hợp vô chủ không ra quyết định xử phạt nhưng không có cột thống kê nên dẫn đến việc không khớp số liệu với thông tin về số vụ vi phạm.

+ Tại phụ lục số 01 – mẫu số 02 chưa có hàng Tổng số liệu đã phân tích theo cột.

- Công tác báo cáo thống kê theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính liên quan đến nhiều lĩnh vực, nên đa số tại các sở ngành, các huyện thường gặp khó khăn do còn một số đơn vị địa phương chưa thật sự phối hợp, chủ động trong công tác báo cáo, thống kê, thực hiện chậm, nội dung báo cáo chưa đảm bảo theo đề cương, và báo cáo không đúng thời gian quy định. Từ đó gây nhiều khó khăn trong công tác tổng hợp.

- Tại Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016, theo đó mẫu số B12a-THADS của Tổng cục quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính, tại Điều 1 quy định đối tượng bị xử phạt và số tiền phạt, nhưng không quy định về hành vi vi phạm của đối tượng bị xử phạt. Đồng thời, chưa có hướng dẫn thu tiền phạt do vi phạm hành chính vào loại biên lai thu tiền nào và cũng chưa có hướng dẫn về việc xử lý tiền thu được từ việc phạt hành chính trong hoạt động thi hành án, thủ tục xử phạt hành chính, mẫu biên bản vi phạm hành chính, thời gian thực hiện và nơi nộp phạt.

3.2.5. Về công tác kiểm tra, thanh tra

Công chức được phân công phụ trách nhiệm vụ thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, đơn vị huyện và UBND các xã thị trấn là kiêm nhiệm, công việc nhiều nên đôi lúc tham mưu UBDN huyện, UBND các xã, thị trấn việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính còn hạn chế, chưa kịp thời.

3.2.6. Những khó khăn, vướng mắc khác

a) Thời gian báo cáo

- Về thời điểm lấy số liệu

Theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ Tư pháp Quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật (có hiệu lực 01/02/2019) thì "Thời gian lấy số liệu đối với báo cáo định kỳ 06 tháng và báo cáo định kỳ hàng năm *thực hiện theo quy định của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước*".

Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính Nhà nước (có hiệu lực ngày 12/3/2019) thì thời gian chốt số liệu đối với báo cáo *6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo; đối với báo cáo định kỳ hằng năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.*

Theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP thì *thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm; đối với báo cáo hàng năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31/12 hàng năm.*

Từ quy định trên cho thấy, thời gian chốt số liệu báo cáo công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính định kỳ tại Thông tư số 16/2018/TT-BTP và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP là không thống nhất.

Ngoài ra, khoản 3 Điều 32 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP quy định "Các chế độ báo cáo do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trước khi Nghị định này có

hiệu lực thi hành thì tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bị bãi bỏ.".

Như vậy, trong trường hợp này địa phương vẫn áp dụng quy định về thời điểm lấy số liệu của Nghị định số 97/2017/NĐ-CP hay áp dụng quy định về thời điểm lấy số liệu của Thông tư số 16/2018/TT-BTP.

- Về thời gian gửi báo cáo

Theo quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư số 16/2018/TT-BTP thì thời điểm Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo về Bộ Tư pháp chậm nhất là 7 ngày, kể từ ngày chốt số liệu.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 33 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP thì thời điểm Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo về Bộ Tư pháp là trước 20 tháng 7 đối với báo cáo 06 tháng; trước 20 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

Như vậy, quy định về thời gian gửi báo cáo của Thông tư số 16/2018/TT-BTP và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP là không thống nhất. Ngoài ra, quy định về thời gian gửi báo cáo của Thông tư số 16/2018/TT-BTP là quá ngắn, chưa phù hợp với thực tiễn. Bởi vì, để tổng hợp báo cáo, đánh giá số liệu xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh thì Sở Tư pháp (cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp) phải tổng hợp số liệu từ cơ sở. Với thời gian 07 ngày kể từ ngày chốt số liệu, các đơn vị không thể nào tổng hợp kịp số liệu để gửi về Sở Tư pháp tổng hợp.

b) Trong công tác xử phạt vi phạm hành chính

- Việc tổ chức thi hành quyết định xử phạt còn gặp nhiều khó khăn do người vi phạm cố tình trốn tránh. Đồng thời có trường hợp đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập thấp không có khả năng thi hành.

- Nghiệp vụ của cán bộ, công chức ở cơ sở còn hạn chế, chưa được tập huấn đầy đủ nên khi giải quyết các vụ việc hành chính thường kéo dài thời gian.

- Các đối tượng vi phạm thường không có nơi cư trú ổn định nên việc lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gặp nhiều khó khăn, mất nhiều thời gian trong khâu xác minh đối tượng và kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.

c) Trong công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính

Đa số các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp chưa quan tâm sâu sắc đến công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác báo cáo kết quả thực hiện, đánh giá tình hình vi phạm hành chính của ngành, lĩnh vực mình quản lý. Do đó, việc đánh giá tình hình thi hành pháp luật chung của tỉnh chưa được sát với thực tế địa phương.

3.3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

3.3.1. Nguyên nhân chủ quan

Số lượng các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC) lớn, nhiều nội dung khó, phức tạp; trong khi đó, công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về XLVPHC là kiêm nhiệm, do đó ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ công việc đặc biệt là cán bộ, công chức ở cấp xã.

Nhận thức pháp luật của một số cán bộ, công chức về quản lý XLVPHC và theo dõi thi hành pháp luật còn hạn chế; cán bộ đầu mối phụ trách, tham mưu của một các đơn vị là kiêm nhiệm.

Các ngành đoàn thể chưa phối hợp chặt chẽ trong công tác vận động, tuyên truyền pháp luật.

Ý thức chấp hành pháp luật của một số bộ phận cá nhân, tổ chức còn hạn chế, thường xuyên lợi dụng kẽ hở của pháp luật để thực hiện hành vi vi phạm.

Kinh phí phục vụ cho công tác quản lý XLVPHC cũng như phương tiện, thiết bị nghiệp vụ phục vụ trong công tác XPVPHC chưa được đảm bảo, do đó, công tác quản lý nhà nước và XLVPHC triển khai chưa đồng bộ, hiệu quả, kịp thời để đáp ứng nhiệm vụ được giao và nhu cầu thực tế trong công tác thi hành pháp luật về XLVPHC của các ngành, lĩnh vực.

3.3.2. Nguyên nhân khách quan

- Công tác phối hợp giữa các ngành chưa thật sự đồng bộ. Lực lượng làm công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính còn thiếu, chủ yếu là kiêm nhiệm.

- Các quy định về chế độ liên quan đến cán bộ làm công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính chưa rõ ràng.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân chưa có nhiều hình thức phong phú, hiệu quả chưa cao.

- Lãnh đạo một số Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố chưa thực sự quan tâm chỉ đạo công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

- Các quy định về kinh phí chưa được quy định chưa cụ thể gây khó khăn cho việc dự trù, quyết toán kinh phí.

- Đời sống của người dân tại khu vực biên giới còn nhiều khó khăn. Nhất là người dân là đồng bào dân tộc có trình độ dân trí thấp, ít hiểu biết pháp luật, điều kiện kinh tế khó khăn; đặc biệt là ở vùng sâu vùng, vùng xa, điều kiện giao thông khó khăn, địa bàn rộng, phong tục tập quán lạc hậu.

- Lĩnh vực XLVPHC rất rộng, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau, dẫn đến việc khó kiểm soát hết các hành vi vi phạm được quy định trong các Nghị định XPVPHC chuyên ngành, dẫn đến nhiều sự trùng lặp trong hành vi cũng như thẩm quyền xử phạt của các lực lượng có thẩm quyền.

3.4. Đề xuất, kiến nghị

3.4.1 Quốc Hội

- Sửa đổ, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 theo hướng:

+ Tăng thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với chức danh Chi cục trưởng Chi cục Hải quan và Cục trưởng Cục Hải quan cho phù hợp với thực tế.

+ Tăng thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính "phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này" và thẩm quyền tịch thu

tang vật, phương tiện vi phạm đối với chức danh Giám đốc Công an tỉnh cho phù hợp thực tế.

- Cần có quy định, hướng dẫn cụ thể cách thức xử lý vi phạm hành chính đối với trường hợp không thực hiện theo quyết định XPVPHC, cũng như quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án, hiện tại áp dụng theo quy định chung của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì không đảm bảo yếu tố khẩn cấp theo quyết định khẩn cấp của Tòa án. Đồng thời, có văn bản hướng dẫn biên lai thu tiền, xử lý tiền thu được từ việc xử phạt vi phạm hành chính để thống nhất thực hiện đúng quy định.

3.4.2 Chính phủ

- Sửa đổi điểm d, khoản 3, Điều 11 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình, vì: quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 11 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ không còn phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ Luật Dân sự 2015.

- Sửa đổi Điều 9 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình, vì: Điều 9 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ không còn phù hợp Luật Căn cước công dân năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

- Sửa đổi một số nội dung tại các Nghị định sau: Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm; Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

3.4.3 Bộ Tư pháp

- Sớm ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Có văn bản hướng dẫn thống nhất việc thực hiện chế độ báo cáo (về thời điểm chốt số liệu và thời gian gửi báo cáo) trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BTP và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP và Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ để các địa phương có cơ sở thực hiện thống nhất.

- Sớm triển khai thực hiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành theo quy định tại Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ.

3.4.4 Bộ ngành có liên quan

- Bộ, ngành, Trung ương xem xét, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và khả thi thuận lợi trong quá trình áp dụng vào thực tế các văn bản quy phạm pháp luật.

- Hướng dẫn cụ thể về biểu mẫu lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính nhất là các đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục, cai nghiện bắt buộc, tạo thuận lợi cho địa phương thực hiện thống nhất và đúng quy định.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Thanh tra Chính phủ thống nhất trình tự thủ tục khi tiến hành thanh tra.

3.4.5 Bộ Tài chính xem xét, hướng dẫn một số nội dung sau:

- Tiêu chí quy định thẩm quyền xác định hồ sơ phức tạp.

- Tiêu chí xác định hồ sơ phức tạp.

- Nội dung mức chi về báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất không quy định rõ đối tượng áp dụng và cũng không nêu rõ các báo cáo này do cơ quan nào thực hiện. Như vậy thì được hiểu và áp dụng như thế nào?

Một là: chỉ áp dụng cho các Bộ, ngành ở Trung ương.

Hai là: được áp dụng cho cả Bộ ngành ở Trung ương và địa phương.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PVP Nhung, Long;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

Phụ lục số 01 - Mẫu số 1

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số: ...19.../BC-UBND ngày ..17.../..01../2020 của UBND tỉnh Tây Ninh

STT	Cơ quan/đơn vị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Tổng số vụ vi phạm			Tổng số đối tượng bị xử phạt						Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính					
		Số vụ bị xử phạt vi phạm hành chính	Số vụ chuyển truy cứu trách nhiệm hình sự	Số vụ áp dụng biện pháp thay thế nhắc nhở	Tổ chức	Cá nhân						Số quyết định đã thi hành	Số quyết định hoãn, miễn, giảm	Số quyết định bị cưỡng chế thi hành	Số quyết định bị khiếu nại, khởi kiện	Tổng số tiền phạt thu được	Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu
						Nam		Nữ		Đối tượng khác bị xử phạt như cá nhân (hộ gia đình, cộng đồng dân cư,...)							
						Dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 tuổi trở lên	Dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 tuổi trở lên								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	CT.UBND tỉnh	120			23		2		84	11	120	100			2	20,840,000,000	
2	Sở, ngành tỉnh	2528	19		2416		378		88	4	2454	2270		1	1	18,113,599,389	3,654,643,460
3	UBND cấp huyện	8979	28	1	94	1108	8021	57	193	27	9114	9010				18,276,026,000	1,525,404,400
4	UBND cấp xã	3532	49	44	6	231	4708	33	1108	118	5396	4361	3			5,557,376,000	23,564,000

Phụ lục số 01 - Mẫu số 2

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số: ..19...../BC-UBND ngày ..17..../.01..../2020 của UBND tỉnh Tây Ninh

STT	Biện pháp xử lý hành chính	Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị		Tổng số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính		Tổng số đối tượng là người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế quản lý tại gia đình		Tình hình tổ chức thi hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính				
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Tổng số đối tượng đang chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được tạm đình chỉ chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được giảm thời hạn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được hoãn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được miễn chấp hành thời gian còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Giáo dục tại xã, phường, thị trấn	457	21	403	11	74	4	354	1			
2	Đưa vào trường giáo dưỡng											
3	Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc	10		10				10				
4	Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc	570	13	570	13			569	1			
	Tổng cộng	**1037**	**44**	**983**	**24**	**74**	**4**	**933**	**1**			